

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TDC24B**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD05110**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Kỹ thuật lắp đặt điện**

Số TC: **5**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2458102060859	Nguyễn Thành	An	15/08/2009				5	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2
2	2458102060860	Nguyễn Duy	Anh	26/08/2009				5	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2
3	2458102060861	Lê Hoàng	Bảo	03/12/2009				8	8.0	9.0	9.0		0.0	7.0	7.6
4	2458102060862	Nguyễn Văn	Bền	19/09/2009				10	10.0	10.0	9.0		10.0		9.9
5	2458102060863	Nguyễn Khoa	Cương	18/11/2009				10	7.0	8.0	9.0		7.0		7.5
6	2458102060864	Huỳnh Bảo	Duy	09/10/2009				9	10.0	9.0	8.0		10.0		9.6
7	2458102060865	Nguyễn Khánh	Duy	17/02/2009				0	0.0	0.0	0.0		CT		0.0
8	2458102060866	Diêu Tiến	Đạt	10/06/2009				9	8.0	9.0	9.0		10.0		9.5
9	2458102060867	Huỳnh Hải	Đăng	01/05/2009				5	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2
10	2458102060868	Ngô Trung	Hiếu	16/08/2009				10	9.0	9.0	10.0		10.0		9.8
11	2458102060869	Phan Trung	Hiếu	01/09/2009				10	8.0	9.0	10.0		10.0		9.7
12	2458102060870	Nguyễn Hữu	Học	10/07/2009				5	5.0	5.0	5.0		7.0		6.2
13	2458102060872	Cao Văn	Huyền	01/09/2008				5	7.0	5.0	5.0		7.0		6.4
14	2458102060874	Phan Hoàng	Khải	03/10/2009				8	9.0	8.0	9.0		7.0		7.6
15	2458102060875	Cù Duy	Khang	16/10/2009				5	5.0	6.0	5.0		10.0		8.1
16	2458102060876	Nguyễn Hoàng	Khang	18/07/2009				5	9.0	8.0	9.0		7.0		7.5
17	2458102060877	Nguyễn Duy	Khanh	02/11/2009				6	5.0	5.0	5.0		7.0		6.3
18	2458102060878	Lê Tuấn	Kiệt	28/08/2009				10	9.0	10.0	10.0		10.0		9.9
19	2458102060879	Nguyễn Thế	Năng	04/07/2009				8	7.0	10.0	10.0		10.0		9.5
20	2458102060880	Nguyễn Phú	Nguyên	18/12/2008				5	5.0	6.0	5.0		7.0		6.3
21	2458102060881	Phạm Minh	Phát	13/10/2009				5	5.0	5.0	6.0		10.0		8.1
22	2458102060882	Phan Bảo Tấn	Phát	11/05/2009				8	8.0	9.0	9.0		10.0		9.4
23	2458102060883	Nguyễn Bình	Phước	17/05/2009				10	8.0	8.0	9.0		10.0		9.4
24	2458102060887	Võ Chí	Thiện	26/03/2009				10	10.0	9.0	9.0		10.0		9.8
25	2458102060888	Mã Quốc	Thịnh	06/11/2009				5	5.0	6.0	5.0		7.0		6.3
26	2458102060889	Nguyễn Việt	Thuận	04/08/2009				5	6.0	5.0	5.0		7.0		6.3
27	2458102060890	Trần Quốc	Thuận	30/04/2009				10	9.0	9.0	8.0		7.0		7.7
28	2458102060891	Trương Trung	Tính	03/04/2009				9	10.0	9.0	9.0		10.0		9.7
29	2458102060892	Nguyễn Phúc	Toàn	06/05/2008				10	8.0	10.0	10.0		10.0		9.8
30	2458102060893	Lư Đại	Vĩ	04/10/2009				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
31	2458102060894	Võ Thị Thúy	Vý	13/03/2007				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 31 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Ngọc Trí